

Số: 2872 /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình;
kế hoạch lựa chọn nhà thầu phần vốn xây dựng cơ bản,
Dự án Phát triển giống dê, cừu**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về quản lý dự án đầu tư xây dựng, số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 2665/QĐ-BNN-XD ngày 31/10/2011 về việc phê duyệt dự án đầu tư; số 1503/QĐ-BNN-XD ngày 03/5/2019 phê duyệt điều chỉnh dự án và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1, dự án “Phát triển giống dê, cừu giai đoạn 2011-2015”;

Xét Tờ trình số 12/TTr-TTDT ngày 01/7/2019 của Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây (Chủ đầu tư) về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình (BVTC, DT), kế hoạch lựa chọn nhà thầu phần vốn xây dựng cơ bản, dự án “Phát triển giống dê, cừu”, hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 885/BC-XD-TC ngày 15/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình phần vốn xây dựng công trình, dự án “Phát triển giống dê, cừu” nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Công trình xây dựng tại Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây.

2. Loại, cấp công trình chính: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV; Công trình dân dụng (nhà thấp tầng), cấp III.

3. Dự án đầu tư: Phát triển giống dê, cừu.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Đơn vị khảo sát xây dựng, tư vấn thiết kế: Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng và PTNT.

6. Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế và dự toán:

Ông Hoàng Văn Bàn chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế kiến trúc có chứng chỉ hành nghề (CCHN) số KTS-027-01789; Ông Lê Văn Minh chủ trì kết cấu có CCHN số HAN-00011660; Bà Nguyễn Thị Thái Hòa chủ trì lập dự toán có CCHN số HAN-00034817.

7. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 06:2010/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình; QCVN 12:2014/BXD về hệ thống điện nhà ở và nhà công cộng; QCVN 07-1:2016/BXD công trình cấp nước. QCVN 07-2:2016/BXD công trình thoát nước; QCVN 07-5:2016/BXD công trình cấp điện; QCVN 07-7:2016/BXD công trình chiếu sáng;

- Các tiêu chuẩn chính được áp dụng: TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động
- Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất; TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 9362-2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình
(Công trình xây dựng tại Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây);

8.1. Tại khu trụ sở làm việc:

a) Nhà đào tạo, tập huấn: Công trình dân dụng, cấp III;

- Kiến trúc công trình (gồm 19 bản vẽ, ký hiệu từ KT-01÷KT-19): Nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 333,72m²; chiều cao các tầng 3,6m, chiều cao nhà 9,15m (so với cốt +0.00m); bước cột 3,6m, nhịp 2,4m và 7,2m; giao thông ngang bằng hành lang bên rộng 2,4m, giao thông đứng bằng thang bộ trong nhà (trục 5-6 và C-D). Mỗi tầng bố trí 1 khu vệ sinh 19m² (nam, nữ riêng biệt).

- Phần móng: Móng đơn, giằng móng tiết diện 220x350mm bê tông cốt thép (BTCT) mác 200.

- Phần thân: Kết cấu hệ khung (cột, dầm, sàn, mái) chịu lực, cấu tạo BTCT mác 200 đổ tại chỗ: 30 cột các loại, tiết diện (22)x(22÷35)cm; dầm các loại tiết diện (22)x(35÷60)cm; sàn dày 12cm. Tường ngăn và bao che xây gạch không nung (bê tông cốt liệu- BTCL) mác 75, vữa xi măng (VXM) mác 50.

+ Phần mái: Xây tường thu hồi gạch BTCL mác 100, VXM mác, xà gồ thép dẹt nguội [120x50x2mm, lợp tôn dày 0,42mm

- Hoàn thiện:

+ Đất tôn nền đầm chặt, lót nền bê tông đá 4x6 mác 100, dày 10cm; nền, sàn các phòng, hành lang lát gạch Ceramic 600x600mm, chân tường ốp gạch Ceramic 600x100mm.

+ Tường trong, ngoài nhà trát VXM mác 75 dày 15mm, sơn hoàn thiện.

+ Khu vệ sinh: Sàn lát gạch chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch Ceramic

300x600mm cao 2,4m, vách ngăn tiểu nam, tiểu nữ, xi bết bằng vách Compact HPL, trần thạch cao; 04 bộ xi bết + vòi xịt, 06 bộ tiểu nam, 06 bộ tiểu nữ, 04 bộ chậu rửa+vòi+gương (tính năng kỹ thuật tương đương loại hãng Inax Việt Nam).

+ Cầu thang: Kết cấu bản thang BTCT mác 200, đá 1x2, dày 10cm; bậc xây gạch BTCL mác 100, cỏ, mặt bậc, chiếu nghỉ lát đá granite nhân tạo, tay vịn gỗ 60x120cm, kết hợp lan can bằng thép hộp sơn tĩnh điện; lan can hành lang bằng thép hộp sơn tĩnh điện.

+ 152,93m² cửa đi, cửa sổ, 12,48m² vách. Kết cấu khung, khuôn nhựa lõi thép, kính dày 5mm; 86,43m² hoa sắt cửa sổ thép đặc 14x14mm, sơn tĩnh điện hoàn thiện.

- Chống mối (gồm 02 bản vẽ, ký hiệu từ PCM-01÷PCM-02): Tạo hào phòng mối toàn bộ phía bên trong (bxx=30x40cm) và ngoài (bxx=50x80cm) móng nhà bằng đất được tẩm thuốc chống mối toàn phần, liều lượng 18 lít/m³, đồng thời phun thuốc chống mối nền tầng 1 (khi chưa lát gạch), liều lượng 05 lít/m² (đã pha theo tỉ lệ của nhà sản xuất, tính năng tương đương loại thuốc Map Boxer 30EC).

- Cấp điện (gồm 06 bản vẽ, ký hiệu từ CĐ-01÷CĐ-06): Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp (xây mới) cấp điện tới tủ phân phối trung tâm TĐT (tại tầng 1, trục 5 và C) bằng cáp điện Cu/XLPE/PVC 3x10+1x6mm²; cấp tới các phòng, thiết bị dùng điện, ổ cắm bằng cáp điện Cu/PVC 2x(1,5÷4)mm², đặt trong ống nhựa đi ngầm trong tường; mỗi tầng bố trí 01 tủ điện, mỗi phòng bố trí 01 bảng điện, đóng cắt điện và bảo vệ ngắn mạch bằng át tô mát; 28 bộ đèn led 3x36W, 06 bộ đèn led 3x18W, 13 bộ đèn led 11W, 24 bộ đèn downlight 9W; ổ cắm, công tắc các loại và phụ kiện đồng bộ.

- Thông gió: Thông gió tự nhiên kết hợp với cưỡng bức bằng hệ thống cửa kết hợp với 14 bộ quạt trần công suất $\geq 70W$, sải cánh 1,4m, với bộ điều khiển 5 tốc độ.

- Thu sét, hệ nối đất: Thu sét bằng 03 kim thép D16 đầu mạ đồng, dài 0,5m đặt trên đỉnh mái, dẫn sét bằng thép D10 tới hệ nối đất chung. Hệ nối đất chung bằng 14 cọc thép hình L63x63x6 dài 2,5m, nối kín bằng thép D16, toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng, điện trở nối đất đảm bảo $R_{nd} \leq 4\Omega$; thí nghiệm kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.

- Cấp nước (gồm 03 bản vẽ, ký hiệu từ CN-01÷CN-03): Nguồn nước từ bể xây mới (10m³), cấp lên bồn chứa nước inox 1x1,0m³ đặt trên mái thông qua máy bơm $Q \geq 2m^3/h$, $H \geq 10m$, nước từ mái cấp tới khu vệ sinh theo hình thức tự chảy bằng ống PP-R loại D(25÷50) đi ngầm dưới nền, sàn, tường nhà và trong hộp kỹ thuật.

Bể nước: 01 bể (10m³). Kết cấu: Đáy, thành, nắp bằng BTCT mác 200. Đáy, thành dày 20cm, nắp dày 12cm; chống thấm sika, trát trong VXM mác 75 làm 2 lần (lần 1 dày 15mm, lần 2 dày 15mm, đánh màu xi măng); bên ngoài trát VXM mác 75 dày 20mm.

+ Thoát nước: Nước thải xi bết đưa về bể tự hoại trước khi ra hệ thống thoát nước ngoài nhà; nước thải sàn, chậu rửa, nước mưa đưa ra rãnh thoát nước ngoài nhà bằng đường ống uPVC D(50÷110), đi ngầm dưới nền, sàn, tường nhà và trong hộp kỹ thuật.

Rãnh thoát nước ngoài nhà (dài khoảng 75m): Rãnh B300, kết cấu đáy BT đá 4x6 mác 150, thành xây gạch BTCL mác 100 dày 11cm, nắp đáy tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200, độ dốc $i=0,5\%$.

Bể tự hoại: 01 bể ($9m^3$). Kết cấu: Đáy, nắp bằng BTCT mác 200, đáy dày 20cm, nắp dày 10cm; thành xây gạch BTCL mác 100 dày 22cm. Trát trong VXM mác 75 làm 2 lần (lần 1 dày 15mm, lần 2 dày 15mm, đánh màu xi măng); bên ngoài trát VXM mác 75 dày 20mm.

- Phòng cháy và chữa cháy (gồm 02 bản vẽ, ký hiệu từ PCCC-01÷PCCC-02): 06 bình khí CO_2 loại 3kg; 12 bình bột loại 4kg; thiết bị khác: Bộ nội quy, tiêu lệnh PCCC; 01 tủ dụng cụ phá dỡ (búa tạ, kìm cộng lực, xà beng,...).

b) Phá dỡ công trình cũ (nhà ăn):

Biện pháp tháo dỡ: Tháo dỡ toàn bộ công trình cũ bằng máy và thủ công; phế thải thu dọn và đổ thải tại nơi quy định.

8.2. Tại Khu trại chăn nuôi:

a) Xây mới 02 chuồng nuôi dê (chuồng 16.C11 và 16.C12):

- Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV; nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $355,8m^2$, chiều cao đến đỉnh cột 3,6m (so với cột $\pm 0.00m$); 13 bước cột 3,6m, 1 nhịp 7,6m. Mỗi chuồng bố trí 66 ô lồng, máng ăn.

- Móng đơn, cột, dầm... BTCT đá 1x2 mác 200; tường xây gạch BTCL mác 100, trát vữa XM, quét vôi toàn bộ; vì kèo bằng thép tổ hợp (kiểu chồng diêm), xà gồ thép, mái lợp tôn múi có xốp cách nhiệt dày 0,45mm, trần tôn phẳng dày 0,45mm, khung xương thép; vì kèo liên kết với cột bằng bu lông M22x200.

- Tôn nền bằng đất, BTXM đá 2x4 mác 100 dày 10cm lán VXM mác 75 dày 3cm, vùng phía dưới ô lồng tạo rãnh thoát phân, đánh màu XM nguyên chất;

- Ô lồng (khung, dầm, nan sàn), máng ăn thô, ăn tinh bằng gỗ, kích thước $D \times R \times C = (3,6 \times 2,1 \times 1,3)m$.

- Cửa đi, cửa sổ khung thép góc, bít tôn kết hợp hoa sắt và lưới thép B40.

- Cấp nước: Nước uống được cấp từ bể xây mới của Trung tâm ($100m^3$) tới trực tiếp các núm uống (tại các ô lồng trong chuồng) dùng ống nhựa PPR D(21÷32); Nước rửa chuồng cấp tới 02 bể chứa xây mới trong chuồng ($2 \times 1,0m^3$, tại trục 2), kết cấu bể đáy bằng BT mác 100, trên lán VXM mác 75 dày 20mm, thành xây gạch BTCL mác 100, trát VXM mác 75, dày 20mm.

- Hệ thống điện: Nguồn điện từ TBA xây mới, cấp tới nhà bằng cáp Cu/XLPE/PVC- $3 \times 10 + 1 \times 6mm^2$; tới thiết bị dùng điện bằng dây Cu/PVC- $2 \times (1,5 \div 4)mm^2$, đặt trong ống nhựa đi ngầm trong tường, nền; chiếu sáng bằng 06 bộ đèn led 36W, 03 bộ đèn downlight 9W; ổ cắm, công tắc các loại và phụ kiện đồng bộ.

- Thông gió: Thông gió tự nhiên kết hợp với cưỡng bức bằng hệ thống cửa kết hợp với 07 bộ quạt trần công suất $\geq 70W$, sải cánh 1,4m, với bộ điều khiển 5 tốc độ; 02 bộ quạt hút, đẩy với $Q=28.000m^3/h$ (đặt 2 đầu hồi nhà).

b) Xây mới 01 chuồng nuôi cừu (chuồng số 21): Các nội dung tương tự chuồng

nuôi dê (chuồng 16.C11).

c) Cải tạo chuồng nuôi dê đực (số 16.C3; gồm 16 bản vẽ, ký hiệu từ BV-01÷BV-14; CĐ-01; CN-01):

- + Tháo dỡ toàn bộ kết cấu mái (vì kèo, xà gồ gỗ, mái fibroximăng, trần gỗ dán), cửa đi, cửa sổ, ô lồng; bóc khoảng 20% lớp vữa trát tường;

- + Nâng chiều cao nhà thêm 0,6m (cột BTCT đá 1x2 mác 200, tường xây gạch BTCL mác 100, trát vữa XM mác 75 dày 2cm).

- + Mở rộng ô cửa 250x900 (cột +2.2m) thành ô cửa 800x400: Khung thép, kính chớp lật dày 5mm.

- + Phá bỏ bể nước đầu chuồng, xây bể mới KT=(0,9x1,3x1,0)m (giáp trục 2). Kết cấu: Thành xây gạch BTCL mác 100 dày 11cm, đáy BT đá 2x4 mác 100 dày 10cm; trát trong VXM mác 75 làm 2 lần (lần 1 dày 10mm, lần 2 dày 15mm, đánh màu xi măng); bên ngoài trát VXM mác 75 dày 150mm.

- + Sửa chữa lại nền nhà: Thu nhỏ rãnh thoát nước rửa sàn từ 1,2m xuống 0,8m, láng lại nền rãnh vữa XM mác 75 dày 3cm, đánh màu bằng XM nguyên chất; láng lại nền bằng vữa XM mác 75 dày 3cm.

- + Thay thế vì kèo thép, xà gồ thép, mái, trần, cửa đi, cửa sổ, ô lồng nuôi, máng ăn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà tương tự chuồng xây mới. Riêng khung, dầm ô lồng nuôi làm bằng thép, nan đáy làm bằng gỗ.

- + Làm mới hệ thống cấp điện, cấp nước trong chuồng tương tự chuồng nuôi dê xây mới.

d) Cải tạo 04 chuồng nuôi dê (số 16.C2, 16.C4, 16.C6, 16.C7; gồm 17 bản vẽ, ký hiệu từ BV-01÷BV-15; CĐ-01; CN-01):

Nội dung cải tạo tương tự như chuồng nuôi dê đực nêu trên (số 16.C3). Riêng ô lồng nuôi làm bằng gỗ tương tự chuồng dê xây mới (chuồng 16.C11); chuồng 16.C7 tháo dỡ toàn bộ tường và vách kính từ trục 2 đến trục 3.

đ) Cải tạo chuồng nuôi dê (số 16.C8; gồm 14 bản vẽ, ký hiệu từ BV-01÷BV-12; CĐ-01; CN-01):

Nội dung cải tạo tương tự chuồng nuôi dê đực (số 16.C3) nêu trên. Riêng hệ thống ô lồng, dầm đỡ, nền và rãnh thoát nước trong nhà giữ nguyên.

e) Cải tạo 02 chuồng nuôi thỏ thành chuồng nuôi dê (số 16.C9, 16.C10; gồm 21 bản vẽ, ký hiệu từ BV-01÷BV-19; CĐ-01; CN-01) :

Nội dung cải tạo tương tự chuồng 16.C2, riêng nền chuồng phá bỏ và làm mới như chuồng 16.C11 và xây các trụ đỡ ô lồng nuôi, bổ sung vách lưới B40 (tại trục B).

g) Xây mới nhà chế biến thức ăn thô, tinh: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

- Kiến trúc công trình (gồm 06 bản vẽ, ký hiệu từ KT-01÷KT-06): Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 140,4m²; chiều cao đến đỉnh cột 3,9m (so với cột +0.00m); 05 bước cột 3,6m, 01 nhịp 7,8m. Công năng sử dụng: Gồm 03 phòng: Phòng để máy cắt cỏ, phòng để máy nghiền thức ăn, phòng để máy trộn thức ăn.

- Kết cấu (gồm 15 bản vẽ, ký hiệu từ KC-01÷KC-15):
 - + Phần móng: Móng đơn, giằng móng tiết diện 220x300mm BTCT mác 200.
 - + Phần thân: Kết cấu hệ khung (cột, dầm, sàn, mái) chịu lực, cấu tạo BTCT mác 200 đổ tại chỗ: 12 cột, tiết diện (22x30)cm; dầm các loại tiết diện (22)x(30÷50)cm. Tường ngăn và bao che xây gạch BTCL mác 100, vữa xi măng (VXM) mác 75.
 - + Phần mái: Tường thu hồi gạch BTCL mác 100, VXM mác 75, vì kèo thép hình, xà gồ thép dẹt C120x50x20x2,5mm, lợp tôn PU đúc liền xốp cách nhiệt dày 0,45mm
- Hoàn thiện:
 - + Đất tôn nền đầm chặt dày 13cm, lót nền đá 4x6 vữa XM mác 50 dày 10cm; lớp BT đá 1x2 mác 150 dày 15cm, trên lán vữa XM mác 75 dày 3cm.
 - + Tường trong, ngoài nhà trát VXM mác 75 dày 15mm, sơn hoàn thiện.
 - + 02 bộ cửa đi (2,4x3)m, khung thép hộp bít tôn dày 0,8mm, 06 cửa sổ chớp BTCT (1,8x0,6)m.
- Cấp điện (gồm 02 bản vẽ, ký hiệu từ CĐ-01÷CĐ-02): Nguồn điện lấy từ TBA xây mới, cấp vào nhà bằng cáp Cu/XLPE/PVC-3x10+1x6mm², thông qua tủ điện tổng TĐT (tại trục 4); cấp tới các phòng, thiết bị dùng điện, ổ cắm bằng cáp điện Cu/PVC 2x(1,5÷2,5)mm², đặt trong ống nhựa đi ngầm trong tường; đóng cắt điện và bảo vệ ngắn mạch bằng át tô mát; chiếu sáng bằng 10 bộ đèn led chao sắt tráng men 15W, ổ cắm, công tắc các loại và phụ kiện đồng bộ. Thông gió trong phòng bằng 04 quạt hút gió có $Q \geq 1.350 \text{ m}^3/\text{h}$.
- h) Cải tạo kho thức ăn thô, tinh: (gồm 34 bản vẽ, ký hiệu từ KT-01÷KT-16; KC-01÷KC-16; CĐ-01÷CĐ-02).
 - + Tháo dỡ toàn bộ kết cấu mái (vì kèo thép, xà gồ thép, mái fibroximăng); bóc toàn bộ lớp vữa trát tường.
 - + Từ trục 1 đến trục 8: Tăng chiều cao nhà (tăng chiều cao tầng) thêm 0,9m; cột, dầm, BTCT đá 1x2 mác 200, tường xây gạch BTCL mác 100 vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75 dày 15;
 - + Trát lại trong và ngoài nhà, quét vôi toàn bộ;
 - + Tận dụng vì kèo, xà gồ thép; thay mới mái lợp tôn múi có xốp cách nhiệt dày 0,45mm và trần tôn phẳng dày 0,45mm, lưới chống côn trùng bên ngoài ô chớp bê tông.
 - + Thay thế toàn bộ dầm, sàn gỗ (trục 1÷6) bằng dầm gỗ 100x150mm, sàn gỗ dày 30mm (cách nền 45cm), bổ sung các vách ngăn V1, V2 (trong kho), kết cấu khung thép mạ kẽm, bọc tấm nhôm hợp kim 3 lớp dày 4mm; sơn lại cửa đi Đ1, Đ2.
 - + Cấp điện: Nguồn điện dẫn vào công trình qua tủ điện tổng TĐT đặt tại tường trục 4A bằng cáp điện Cu/PVC 2x10mm²; cấp tới các phòng, thiết bị dùng điện, ổ cắm bằng dây điện Cu/PVC 2x(1,5÷2,5)mm², đặt trong ống nhựa đi ngầm trong tường; đóng cắt điện và bảo vệ ngắn mạch bằng át tô mát; 16 bộ đèn led có chao 15W, ổ cắm, công tắc các loại và phụ kiện đồng bộ. Thông gió trong phòng bằng

06 quạt hút gió có $Q \geq 1.350 \text{ m}^3/\text{h}$.

k) Sân chơi, tường rào sân chơi và tường rào xung quanh khu mới: (bao gồm 14 bản vẽ, ký hiệu từ 01÷ 14)

- Tường rào:

+ Tường rào xây mới: Tổng chiều dài 227,96m (xây mới đoạn tường rào bị đổ từ điểm 11÷13, dài $L=40,24\text{m}$; tường mới từ điểm 16÷21-1, dài $L=187,72\text{m}$). Cấu tạo: Tường rào phía dưới xây gạch BTCL mác 100, dày 11cm vữa XM mác 50, cao 1,62m (tính từ mặt đầm móng DM1), trên hoa sắt thép vuông đặc 12x12mm cao 0,9m, sơn bảo vệ và hoàn thiện; trụ 220x200 bằng BTCT đá 1x2 mác 200 cao 2,75m, bố trí khoảng 3,0m/trụ, trát tường vữa XM mác 75 dày 1,5cm và quét vôi.

+ Tường rào sửa chữa cải tạo (dài $L=518,09\text{m}$): Phá dỡ khung lưới thép B40, giữ lại trụ thép U160x46x4,5, xây trụ gạch 220x200 bao quanh; phá dỡ phần tường và trụ gạch đến cao độ 1,47m, xây lại đến cao độ 1,72m bằng gạch BTCL mác 100 vữa XM mác 50, trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm; trát và phần tường và trụ bị bong tróc, cạo sạch lớp vôi cũ, sau đó quét vôi lại toàn bộ. Tường rào hoa sắt cạo sạch gỉ, sơn bảo vệ và hoàn thiện.

+ Tường rào sân chơi (xây mới): Dài 72,4m. Cấu tạo: Móng tường rào, trụ và tường rào xây gạch BTCL mác 100 vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75 dày 1,5cm và quét vôi, bố trí khoảng 3,0m/trụ.

+ Khoảng 30m hoặc tại vị trí tường rào đổi hướng để khe lún theo quy định.

- Cổng:

+ Cổng C1 (05 cổng, tại vị trí ra vào khu sân chơi): Rộng 1,4m, cao 1,5m. Trụ cổng BTCT đá 1x2 mác 200, cánh bằng khung thép tráng kẽm D50 kết hợp nan bằng thép vuông 6x16mm, sơn bảo vệ và hoàn thiện.

+ Cổng C2 (02 cổng, đặt trên đường sang khu trại mới): Rộng 2,5m, cao 1,5m, sử dụng trụ cột BTCT tường rào làm trụ cổng. Cánh cổng tương tự cổng C1

+ Cổng C3 (01 cổng tại vị trí tường rào ra đồng cỏ): Rộng 2,28m, cao 1,6m. Kết cấu tương tự cổng C2.

+ Cải tạo cổng vào khu chăn nuôi (rộng 4,5m): Phá bỏ 02 trụ cổng cũ và cánh cổng. Xây mới trụ cổng kích thước 600x450mm, lõi trụ 220x220 bằng BTCT đá 1x2 mác 200, ốp xung quanh xây gạch BTCL mác 100, trát vữa XM Mác 75 dày 15 và quét vôi; cánh cổng bằng khung thép hộp dưới bít tôn dày 0,5mm cao 2,6m, sơn bảo vệ và hoàn thiện.

8.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a) Sân nền (gồm 03 bản vẽ, ký hiệu từ SN -01÷ SN-03): Sân nền khu đất định vị bởi các điểm S, T, U, U', có diện tích $S_1=6.815\text{m}^2$; khối lượng đào, đắp đất:

+ Khối lượng đào: $166,67 \text{ m}^3$;

+ Khối lượng đắp: $4.428,28 \text{ m}^3$;

+ Khối lượng đắp taluy: $329,47 \text{ m}^3$.

b) Sân đường nội khu (gồm 03 bản vẽ, ký hiệu từ SĐ.TN -01÷ SĐ.TN-03) :

- Cải tạo sân đường khu chăn nuôi: Diện tích $S = 1.712\text{m}^2$. Cấu tạo (từ trên

xuống): BT nhựa hạt mịn dày 4cm, tưới nhựa bảm dính tiêu chuẩn 0,5kg/m², BT nhựa hạt thô dày 5cm và bù vênh dày trung bình 5cm, tưới nhựa bảm dính tiêu chuẩn 1kg/m², mặt đường BTXM hiện trạng được tạo nhám và vệ sinh sạch bề mặt.

- Sân trước nhà đào tạo tập huấn: Diện tích $S_1=541,63\text{m}^2$; đường bê tông làm mới: Diện tích $S_2=398,31\text{m}^2$. Cấu tạo (từ trên xuống): BT đá 2x4 mác 200 dày 15cm, lớp vải bạt dứa, cát hạt thô làm phẳng mặt dày 3cm, cấp phối đá dăm dày 15cm, nền đất đầm chặt $K \geq 0,98$.

- Đường khu chăn nuôi mới: Diện tích $S_3=271,24\text{m}^2$. Kết cấu tương tự sân trước nhà đào tạo tập huấn nêu trên.

- Bó vỉa: Bó vỉa loại 1 dài 392,65m: Xây gạch BTCL mác 100 dày 110, cao 0,42m; bó vỉa loại 2 dài 386,2m: Xây gạch BTCL mác 100 dày 110, cao 0,33m; trát vữa XM mác 50 dày 2cm.

c) Hệ thống cấp nước mạng ngoài (gồm 05 bản vẽ, ký hiệu từ HTCN-01÷HTCN-05):

- Bể chứa nước sạch (100m³): Kết cấu đáy, thành, nắp BTCT đá 1x2 mác 200, đáy lót BT đá 4x6 mác 100 dày 10cm. Trong bể quét lớp sika chống thấm, trát vữa XM mác 75 dày 30 chia 2 lớp (lớp 1 dày 15mm có khía bay, lớp 2 dày 15mm đánh màu bằng XM nguyên chất), ngoài bể quét lớp sika chống thấm, trát vữa XM mác 75 dày 20.

- Cấp nước từ đài nước (có sẵn) tới các chuồng xây mới bằng đường ống HDPE D(15÷50), các phụ kiện đồng bộ, theo hình thức tự chảy.

d) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi khu chuồng mới (gồm 08 bản vẽ, ký hiệu từ TNCN-01÷TNCN-08):

- Hệ thống thu gom: 06 hố thu đầu chuồng, 06 giếng thăm, 74,2m rãnh $b \times h = (0,5 \times 0,5)\text{m}$, thành xây gạch BTCL mác 100 vữa XM mác 75 dày 22cm, đáy BT đá 2x4 mác 150 dày 10cm, trong lòng trát vữa XM mác 100 dày 2cm, nắp dẹt tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200 đúc sẵn; 102m cống BTCT D40 đúc sẵn. Toàn bộ nước thải được dẫn về bể xử lý nước thải (xây mới), nước thải sau xử lý được đưa ao chứa.

- Bể ngầm xử lý nước thải: Kích thước (8,0x3,66x3,4)m. Kết cấu: Thành xây gạch BTCL mác 100 vữa XM mác 50, dầm giằng, đáy, nắp bể BTCT đá 1x2 mác 200, độ dốc $i=10\%$ về rón bể. Trong bể trát vữa XM mác 75 dày 25 chia 2 lần, đánh màu bằng XM nguyên chất.

đ) Hệ thống cấp điện mạng ngoài (gồm 10 bản vẽ, ký hiệu từ TMB.CĐ-01÷TMB.CĐ-09A):

- Nguồn điện lấy từ trạm biến áp 100KVA-10/0,4kV hiện có.

- Cấp điện đến xưởng chế biến thức ăn gia súc bằng cáp đồng Cu/DSTA-1(3x185+1x120)mm²; các khu vực còn lại (chuồng thụ tinh, chuồng cải tạo, khu chuồng nuôi,...) dùng cáp nhôm vặn xoắn AL/XLPE 4x(70÷150)mm², đặt trên 06 cột BTLT 8,5m. Móng cột BT đá 1x2 mác 200. Chiều sáng đường sử dụng bóng led 150W, có phản quang đặt trên cột điện và được điều khiển tự động theo giờ.

e) Cải tạo đường từ Tỉnh lộ 87 vào khu trại chăn nuôi (gồm 20 bản vẽ, ký hiệu từ ĐTC-01÷ĐTC-20): Tổng chiều dài 663,68m. Kết cấu áo đường theo 2 loại:

+ Đoạn ngoài đỉnh đập (Từ cọc DT÷cọc 5 và từ H3÷cọc CT): Dài 483,68m, Mặt rộng B=3m, lề rộng 2x0,75m, nền rộng 4,5m, độ dốc ngang mặt 2%, độ dốc ngang lề 4%. Kết cấu (từ trên xuống): Bê tông nhựa hạt mịn dày 4cm, nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa hạt thô dày 5cm, bù vênh bê tông nhựa hạt thô, nhựa dính bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², mặt đường cũ đánh nhám và làm sạch, mặt đường BT cũ; lề đường và rãnh dọc không gia cố.

Kết cấu mặt đường mở rộng (đối với những đoạn mặt đường BT cũ <3m) từ trên xuống: Bê tông nhựa hạt mịn dày 4cm, nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa hạt thô dày 5cm, nhựa dính bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, mặt đất tự nhiên.

+ Đoạn qua đỉnh đập tràn (từ cọc 5÷H3): Dài 180m. Cấu tạo (từ trên xuống): BT đá 2x4 mác 200 dày 15cm, bù vênh bằng BT đá 1x2 mác 200, xi măng bám dính, tiêu chuẩn 1kg/m², mặt đường cũ đánh nhám và làm sạch.

+ Điểm tránh xe (tại đầu ra vào tràn, cọc H1 và cọc 11): Kích thước DxR=(13x3,0)m. Kết cấu mặt đường từ trên xuống: Bê tông nhựa hạt mịn dày 4cm, nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m², bê tông nhựa hạt thô dày 5cm, nhựa dính bám tiêu chuẩn 1,0kg/m², móng cấp phối đá dăm lớp trên dày 15cm, mặt đất tự nhiên.

g) Cải tạo, trồng mới đồng cỏ: Diện tích 5ha. Tôn đất màu dày 0,4m, đào san đất cục bộ, sau đó san đất màu hoàn trả.

9. Dự toán xây dựng công trình

Dự toán xây dựng công trình: **28.839.265.000 đồng** (Hai mươi tám tỉ đồng, tám trăm ba mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	23.851.793.000 đ.
- Chi phí thiết bị	:	640.720.000 đ.
- Chi quản lý dự án	:	503.566.000 đ.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.480.083.000 đ.
- Chi phí khác	:	1.253.900.000 đ.
- Chi phí dự phòng	:	1.109.203.000 đ.

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phần vốn xây dựng cơ bản dự án “Phát triển giống dê, cừu” có tổng mức đầu tư 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng), với nội dung như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện, gồm 06 công việc có giá trị: 1.875.470.000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, gồm 10 công việc có giá trị: 1.881.488.000 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm 11 gói thầu với giá

trị: 41.243.042.000 đồng (Bốn mươi một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Tên gói thầu, Giá gói thầu, Nguồn vốn, Hình thức lựa chọn nhà thầu, Phương thức lựa chọn nhà thầu, Thời gian dự kiến bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, Loại hợp đồng, Thời gian thực hiện hợp đồng (chi tiết Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Chủ đầu tư (Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây) chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện và hoàn thiện các nội dung yêu cầu nêu trong Báo cáo thẩm định số 885/BC-XD-TC ngày 15/7/2019 của Cục Quản lý xây dựng công trình trước khi trình đóng dấu thẩm định và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu làm cơ sở để lập Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu và đánh giá lựa chọn nhà thầu; phần thiết bị căn cứ chứng thư thẩm định giá làm cơ sở phê duyệt dự toán gói thầu.

3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và tổ chức thực hiện giám sát các gói thầu theo quy định; lưu ý: Năm 2019 tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu số 06 và thực hiện hạng mục san nền, cải tạo 04 chuồng nuôi dê, 01 chuồng nuôi thỏ thành chuồng nuôi dê cho phù hợp với kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 đã bố trí (6,0 tỷ đồng). Khi được bổ sung vốn sẽ tiếp tục thực hiện các hạng mục còn lại.

4. Chủ đầu tư rà soát các hạng mục chưa có trong dự án (xây bổ sung 02 gian thuộc hạng mục cải tạo nhà kho thực ăn thô, tinh; phá dỡ nhà chế biến thức ăn thô, tinh cũ, hệ thống chống sét cho toàn khu chăn nuôi) trình Bộ xem xét.

5. Thực hiện Quy định về gửi, quản lý hồ sơ lựa chọn nhà thầu theo Điều 13 Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Chăn nuôi; ✓
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu VT, XD (12b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Xây dựng tại Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây
Dự án Phát triển giống dê, cừu
(Kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-BNN-XD, ngày 23 tháng 7 năm 2019
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Thành tiền
I	Xây lắp			23.851.793.000
1	Khu trụ sở Trung tâm			3.713.254.000
-	Xây mới Nhà đào tạo, tập huấn	m2	333,72	3.658.842.000
-	Phá dỡ công trình cũ	m2	279,39	54.412.000
2	Khu trại chăn nuôi			15.890.251.000
-	Xây mới chuồng nuôi dê (2 chuồng)	m2/ch	355,8	3.035.330.000
-	Xây mới chuồng nuôi cừu (01 chuồng)	m2/ch	355,8	1.512.428.000
-	Cải tạo chuồng nuôi			9.217.493.000
+	Cải tạo chuồng nuôi dê đực (số 16.C3)	m2/ch	355,8	1.370.800.000
+	Cải tạo 04 chuồng nuôi dê (số 16.C2; 16.C4; 16.C6; 16.C7)	m2/ch	355,8	4.195.753.000
+	Cải tạo chuồng nuôi dê (số 16.C8)	m2/ch	355,8	916.945.000
+	Cải tạo 02 chuồng nuôi thỏ thành chuồng nuôi dê (chuồng 16.C9 và 16.C10)	m2/ch	472,3	2.733.995.000
-	Xây mới nhà chế biến thức ăn thô, tinh	m2	140,4	563.255.000
-	Cải tạo kho thức ăn tinh, thô	m2	243,46	248.811.000
-	Sân chơi, tường rào sân chơi và tường rào khu mới	HT	1	1.312.934.000
3	Các hạng mục hạ tầng			4.248.288.000
-	San nền	m2	6.815	427.634.000
-	Sân đường nội khu	m2	2.923,18	1.476.056.000
-	Hệ thống cấp nước mạng ngoài	HT	1	332.689.000
-	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi khu chuồng mới	HT	1	477.191.000
-	Hệ thống cấp điện mạng ngoài	HT	1	576.963.000
-	Cải tạo đường từ tỉnh lộ 87 vào khu trại chăn nuôi	m2	663,68	779.183.000
-	Cải tạo trồng mới đồng cỏ	ha	5	178.572.000
II	Thiết bị công trình			640.720.000
1	Máy phát điện dự phòng 3 pha 100 KVA và phụ kiện kèm theo	máy	1	350.000.000
2	Quạt hút gió chuồng nuôi	cái	28	125.440.000
3	Máy bơm nước ly tâm tại Sơn Tây 11KW	-	2	160.000.000
4	Bình chữa cháy	bình	24	5.280.000

lưu 1

III	Quản lý dự án	%	2,056	503.566.000
IV	Tư vấn đầu tư xây dựng			1.480.083.000
1	Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	%	2,689	658.604.000
2	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT tư vấn	%	0,816	199.859.000
3	Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT thi công xây dựng	%	0,280	68.579.000
4	Giám sát thi công xây dựng	%	2,258	553.041.000
V	Chi phí khác			1.253.900.000
1	Chi phí hạng mục chung	%	3,0	734.775.000
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	%	0,110	26.942.000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	%	0,106	25.962.000
4	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	%	0,100	24.493.000
5	Bảo hiểm công trình xây dựng (Nhà điều hành và các chuồng nuôi xây mới)	%	0,800	66.088.000
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu (tạm tính)			15.000.000
7	Kiểm toán	%	0,791	221.480.000
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	%	0,497	139.160.000
VI	Dự phòng phí			1.109.203.000
1	Cho khối lượng công việc phát sinh	%	3,00	831.902.000
2	Cho yếu tố trượt giá	%	1,00	277.301.000
	Tổng cộng			28.839.265.000

be



Phụ lục II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU PHẦN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN
Dự án Phát triển giống dê, cừu
(Kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-BNN-XD, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Đồng

I. Phần công việc đã thực hiện

TT	Tên gói thầu	Giá trị	Đơn vị thực hiện	Văn bản phê duyệt
1	Chi phí khảo sát xây dựng, lập dự án đầu tư	243.451.000	Công ty CP tư vấn và dịch vụ thương mại	QĐ số 11/QĐ-TTDT-KH ngày 20/8/2011
2	Đánh giá tác động môi trường	100.000.000		
3	Lập điều chỉnh dự án đầu tư	135.738.000	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và PTNT	QĐ số 75/QĐ-TTDT ngày 22/5/2018
4	Gói số 1. Tư vấn quản lý dự án	652.250.000	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và PTNT	QĐ số 10/QĐ-TTDT-DAG-VXD ngày 10/7/2019
5	Gói số 2. Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	731.945.000	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và PTNT	QĐ số 08/QĐ-TTDT-DAG-VXD ngày 20/6/2019
6	Gói số 3. Lập HSMT và phân tích đánh giá HSĐT tư vấn	12.086.000	Công ty CP tư vấn thiết kế dự án quốc tế	QĐ số 02/QĐ-TTDT -DAG-VXD ngày 06/5/2019
	Cộng	1.875.470.000		

II. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Quản lý dự án	283.931.000	Chủ đầu tư
2	Lệ phí thẩm định dự án	8.680.000	Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	29.830.000	Bộ Nông nghiệp và PTNT

4	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	28.742.000	Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	Phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	38.708.000	Chủ đầu tư
6	Thẩm định giá con giống nhập nội	39.267.000	Chủ đầu tư
7	Thẩm định giá thiết bị	12.574.000	Chủ đầu tư
8	Kiểm tra công tác nghiệm thu	20.000.000	Bộ Nông nghiệp và PTNT
9	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	111.797.000	Bộ Nông nghiệp và PTNT
10	Dự phòng phí	1.307.959.000	Chủ đầu tư
	Cộng	1.881.488.000	

III. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian dự kiến bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói số 4. Lập HSMT, phân tích đánh giá HSDT thi công xây dựng, cung cấp thiết bị và nhập khẩu con giống.	105.889.000	Ngân sách NN	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2019	Trọn gói	90 (ngày)
2	Gói số 5. Xây dựng tại trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây: Khu trụ sở Trung tâm; Các hạng mục hạ tầng (trừ san nền) và Thiết bị công trình.	8.691.936.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2020	Trọn gói	240 (ngày)
	<i>Trong đó: Chi phí hạng mục chung</i>	238.846.000						
	<i>Dự phòng phí</i>	318.462.000						
3	Gói số 6. Xây dựng tại trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây: Khu trại chăn nuôi; san nền.	17.271.300.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2019	Trọn gói	360 (ngày)
	<i>Trong đó: Chi phí hạng mục chung</i>	476.708.000						
	<i>Dự phòng phí</i>	476.708.000						

Luân

4	Gói số 7. Xây dựng tại Trạm Nhân giống dê, cừu Ninh Thuận.	4.922.700.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý II/2020	Trọn gói	240 (ngày)
	<i>Trong đó: Chi phí hạng mục chung</i>	<i>136.898.000</i>						
	<i>Dự phòng phí</i>	<i>182.531.000</i>						
5	Gói số 8. Thiết bị: Nhập con giống.	7.853.355.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2020	Trọn gói	180 (ngày)
6	Gói số 9. Thiết bị: Thiết bị phục vụ chăn nuôi; Thiết bị chế biến thức ăn viên; Thiết bị phục vụ công tác quản lý giống; Thiết bị phục vụ đào tạo tập huấn.	500.200.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2020	Trọn gói	180 (ngày)
7	Gói số 10. Thiết bị: Xe ô tô chuyên dùng phục vụ quản lý giống.	750.000.000	Ngân sách NN	Chào hàng cạnh tranh	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý I/2021	Trọn gói	120 (ngày)
8	Gói số 11. Thiết bị: Mua hạt và hom giống cỏ.	100.000.000	Ngân sách NN	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý I/2020	Trọn gói	90 (ngày)
9	Gói số 12. Bảo hiểm công trình.	70.080.000	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý III/2019	Trọn gói	20 (tháng)
10	Gói số 13. Chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.	621.801.000	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý III/2019	Trọn gói	20 (tháng)
11	Gói số 14. Kiểm toán.	355.781.000	Ngân sách NN	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2023	Trọn gói	60 (ngày)
	Cộng	41.243.042.000						
	Tổng cộng	45.000.000.000						
(Bốn mươi lăm tỷ đồng)								

Ghi chú: - Gói số 5, số 6, số 7, số 9 Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

- Gói số 10. Thiết bị: Xe ô tô chuyên dùng phục vụ quản lý giống chỉ được tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền theo quy định;

- Gói số 14. Kiểm toán thực hiện sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán./.

